

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRIỆU VĂN BÌNH

QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI  
Ở TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

Mã số: 931 02 01

HÀ NỘI - 2024

**Công trình được hoàn thành tại  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

***Người hướng dẫn khoa học: GS.TSKH. Phan Xuân Sơn***

***Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Hữu Lập***

*Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng*

***Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Việt Thắng***

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

***Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Anh Cường***

*Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn*

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện  
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

*Vào hồi 14 giờ 00 ngày 24 tháng 11 năm 2023*

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và  
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Tây Nguyên bao gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, có tổng diện tích tự nhiên 54.474 km<sup>2</sup>, chiếm 16,8% diện tích cả nước. Dân số Tây Nguyên có 5.842.681 người, gồm 52 thành phần tộc người, trong đó các tộc người thiểu số có 2.199.784 người, chiếm 37,65% dân số toàn vùng. Tây Nguyên có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về KT-XH, môi trường và quốc phòng - an ninh của cả nước; là vùng có tiềm năng và lợi thế to lớn về nhiều mặt, nhất là phát triển nông - lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng, khoáng sản và phát triển du lịch gắn với văn hóa truyền thống.

Những năm qua, nhất là từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách lớn về phát triển KT-XH đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có Tây Nguyên. Việc triển khai thực hiện các chính sách trong thực tiễn đã đạt được những thành tựu quan trọng, đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được nâng cao, diện mạo vùng Tây Nguyên đã thay đổi rõ rệt. Tuy nhiên, hiện nay Tây Nguyên vẫn là một trong những vùng có điều kiện khó khăn nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất, KT-XH phát triển chậm nhất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thấp nhất và có tỷ lệ người nghèo cao nhất. Khoảng cách phát triển, mức thu nhập bình quân của người dân, nhất là các tộc người thiểu số khu vực Tây Nguyên so với mặt bằng chung cả nước có sự chênh lệch khá lớn và đang có xu hướng ngày càng xa hơn.

Tây Nguyên là vùng “đất nóng”, có lịch sử khá phức tạp, luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội, nguy cơ những xung đột trở thành điểm nóng, nếu không được nhận diện, giải quyết kịp thời. Tây Nguyên cũng là địa bàn chiến lược trọng điểm, xung yếu, phức tạp về an ninh, trật tự mà các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tấn công, chống phá quyết liệt trong những năm qua bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”, nhằm kích động, lôi kéo nhân dân, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chúng đẩy mạnh các hoạt động chống phá, lợi dụng đồng bào tộc người thiểu số, đồng bào tôn giáo để tạo thành vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo” hòng gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chúng ra sức xuyên tạc lịch sử, bóp méo, phủ nhận đường lối, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Nguy hiểm hơn, các thế lực thù địch dung dưỡng, tài trợ lực lượng phản động tàn quân FULRO lưu vong, gieo rắc tư tưởng sắc tộc hẹp hòi, ly khai, tự trị, đòi thành lập “Nhà nước Dega”. Kích động, xúi giục các phần tử cực đoan trong đồng bào các tộc người thiểu số và tôn giáo biểu tình, gây rối, kích động gây bạo loạn, nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, tạo ra những “điểm nóng”, tạo có kêu gọi can thiệp từ bên ngoài.

Tây Nguyên cũng là địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, do hội tụ nhiều mâu thuẫn, xung đột xã hội rất phức tạp; có sự đan xen giữa mâu thuẫn nội bộ nhân dân và hoạt động lợi dụng của các thế lực thù địch, đỉnh điểm là các vụ bạo loạn năm 2001, 2004, 2008 và mới nhất là vụ tấn công có tính chất khủng bố ngày 11/6/2023 tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, cùng âm mưu bạo loạn, phá rối an ninh khác diễn ra ở nhiều địa phương trong vùng. Đồng thời với hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, những mâu thuẫn, xung đột trong nội bộ nhân dân ngày càng nổi lên trở thành nhân tố cản trở sự ổn định, phát triển bền vững của Tây Nguyên với hàng trăm vụ khiếu kiện, tranh chấp liên quan đến đất đai, tôn giáo, tộc người.

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề, với gần 10 năm công tác ở Tây Nguyên và hiện nay đang trực tiếp nghiên cứu, tham mưu, đề xuất về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực dân tộc; được tham gia là thành viên của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước “*Quản lý xung đột xã hội và điểm nóng chính trị - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay*”, thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 do GS.TSKH Phan Xuân Sơn làm Chủ nhiệm, tác giả đã chọn đề tài: “*Quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên hiện nay*” làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận chung về quản lý xung đột xã hội, xây dựng khung lý thuyết về quản lý xung đột xã hội, thông qua đó làm rõ thực trạng quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên, luận án đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên hiện nay.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài về xung đột xã hội quản lý xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên; Làm rõ cơ sở lý luận, xây dựng khung lý thuyết về xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên; Khảo sát, phân tích thực trạng xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên; Làm rõ các yếu tố tác động, từ đó kiến nghị, đề xuất các giải pháp quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên trong giai đoạn tiếp theo.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Xung đột xã hội và quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Luận án nghiên cứu xung đột xã hội và quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên (tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng).

- *Về thời gian:* Luận án nghiên cứu xung đột xã hội và quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên từ năm 2000 đến năm 2023.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Phương pháp luận**

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, nhất là phép biện chứng duy vật; các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, chính sách phát triển bền vững Tây Nguyên.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp lịch sử, logic; Phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu; Phương pháp hệ thống; Phương pháp thống kê; Phương pháp dự báo; Phương pháp tổng kết thực tiễn; Phương pháp điều tra xã hội học.

#### **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

##### **5.1. Về lý luận**

Luận án xây dựng khung lý thuyết về xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên; làm rõ những đặc điểm, đặc trưng cơ bản của KT-XH ở khu vực Tây Nguyên; cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn cho chủ thể quản lý (các thành tố trong hệ thống chính trị các cấp) nghiên cứu, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với Tây Nguyên.

##### **5.2. Về thực tiễn**

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, luận án làm rõ những nhân tố phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến xung đột xã hội; góp phần nhận diện đúng xung đột xã hội và thực trạng quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên hiện nay. Cung cấp số liệu, dữ liệu qua nghiên cứu, khảo sát thực địa và đề xuất những giải pháp cơ bản để quản lý xung đột xã hội trên địa bàn Tây Nguyên hiệu quả hơn cho giai đoạn tiếp theo.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu trong nghiên cứu, đánh giá, hoạch định chính sách; làm tư liệu trong thực thi quản lý nhà nước, quản lý xã hội ở Tây Nguyên. Ngoài ra, có thể làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, nghiên cứu về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong các cơ sở đào tạo.

#### **6. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương, 11 tiết.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

#### 1.1. NGHIÊN CỨU VỀ XUNG ĐỘT XÃ HỘI

Đã có rất nhiều công trình, tài liệu ở nước ngoài lý giải về lý thuyết xung đột, xung đột xã hội. Lewis A. Coser, nhà xã hội học đương đại Mỹ; K. Frink, Nhà khoa học người Mỹ J.P.Chalin, R. Dahrendorf, một đại biểu của trường phái Frankfurt (là trường phái lý thuyết xã hội tân mác-xít), là người có đóng góp lớn đối với phát triển lý thuyết xung đột. R. Dahrendorf xuất bản cuốn sách *Modern Social Conflict* (xung đột xã hội hiện đại), Karl Marx... đã đưa ra các quan điểm về xung đột xã hội ở những khía cạnh tiếp cận khác nhau.

Ở trong nước, đến nay cũng có nhiều công trình của các tác giả nghiên cứu về xung đột xã hội, trong đó nổi bật là các công trình: *Tổng kết thực tiễn về xử lý điểm nóng chính trị - xã hội*; *Xử lý tình huống chính trị*, giáo trình, Viện Khoa học Chính trị; Chủ biên: Lưu Văn Sùng và Hoàng Chí Bảo; *Xung đột xã hội phát sinh trong quá trình đổi mới ở Nghệ An, giải pháp ngăn ngừa và xử lý nhằm đảm bảo an ninh quốc gia*; “*Bước đầu tìm hiểu những vấn đề lịch sử về xung đột xã hội*”; *Xung đột xã hội và đồng thuận xã hội*; *Xung đột văn hóa và đấu tranh văn hóa*; *Xung đột xã hội từ lý luận đến thực tiễn nông thôn Việt Nam*; *Nghiên cứu về quan hệ dân tộc ở Việt Nam (từ 1980 đến nay)*; *Xung đột xã hội và biểu hiện của nó ở Việt Nam hiện nay*... đưa ra những luận điểm, căn cứ lý luận và thực tiễn, cung cấp những tư liệu quan trọng giúp nhận diện, khái quát lý thuyết về xung đột xã hội, vấn đề dân tộc, xung đột xã hội ở Việt Nam, cũng như khẳng định xung đột xã hội là mâu thuẫn không điều hòa giữa các nhóm xã hội, có cả tích cực và tiêu cực, có tính khách quan và chủ quan, là một hiện tượng tất yếu của xã hội. Bất cứ xã hội nào (ở thể chế nào và ở giai đoạn lịch sử nào) cũng có xung đột xã hội. Chúng ta không thể ngăn chặn mọi xung đột xã hội, nhưng có thể ngăn chặn những xung đột xã hội tiêu cực. Ở Việt Nam, những năm gần đây, xung đột xã hội ngày càng phổ biến bởi tính tất yếu khách quan của nó. Để phòng ngừa, hạn chế và giải quyết xung đột xã hội tiêu cực, chúng ta cần có các quan điểm và giải pháp đúng đắn, trong đó quan trọng nhất là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

## 1.2. NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI

Trong các công trình: *Chức năng của xung đột xã hội* của tác giả L.Vjuis Kozer; J.B.Stulberg tác giả cuốn L.Vjuis Kozer, A Rapport; “*Tâm lý học xã hội của xung đột nhóm: lý thuyết, nghiên cứu và các ứng dụng*” của tác giả Wolfgang Stroebe; “*Những hướng mới trong lý thuyết xung đột: Giải quyết xung đột và chuyển đổi xung đột*” của tác giả Raimo Väyrynen; “*Giải quyết xung đột: Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành*” của tác giả James A. Schellenberg; *Bách khoa toàn thư giải quyết xung đột* của Heidi Burgess, Guy Burgess M; *Văn hóa và Giải quyết tranh chấp* của tác giả Kevin Avruch; *Xung đột: Từ phân tích tới can thiệp*” của các tác giả Sandra Cheldelin, Daniel Druckman, Larissa A.; *Xung đột và quản lý xung đột* của tác giả Joseph S. Himes; tác giả Michael J. Butler với công trình *Quản lý xung đột quốc tế; Cẩm nang giải quyết xung đột: Lý thuyết và thực hành* của các tác giả Deutsch Morton, Peter T. Coleman, Eric C. Marcus...thông qua nghiên cứu các công trình khoa học ở nước ngoài về xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội cho thấy, các học giả thường dựa trên cơ sở phân tích, tìm ra bản chất của các hiện tượng xung đột, từ đó phân loại, xác định nguyên nhân cơ bản của xung đột xã hội để đưa ra các giải pháp, cách thức quản lý xung đột xã hội nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác động tiêu cực của những mâu thuẫn, xung đột đến đời sống xã hội. Hầu hết các công trình nghiên cứu của nước ngoài đều khẳng định, xung đột xã hội là quá trình vận động và phát triển tất yếu khách quan của xã hội.

Ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về quản lý xung đột xã hội, trong đó phải kể đến các công trình như: *Công tác Dân vận của Đảng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Đề tài khoa học, Ban Dân vận Trung ương; *Tây Nguyên trên đường phát triển bền vững*, Đề tài khoa học, Ban chỉ đạo Tây Nguyên; *Xung đột xã hội và đồng thuận xã hội trong quá trình phát triển xã hội và quản lý xã hội - cơ sở lý luận và thực tiễn*; Đề tài khoa học cấp Nhà nước thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KX.02/06-10 “*Quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam*” do PGS.TS Võ Khánh Vinh làm Chủ nhiệm; *Một số điểm nóng chính trị - xã hội điển hình tại các vùng đa dân tộc ở miền núi trong những năm gần đây*,

*hiện trạng, vấn đề, các bài học kinh nghiệm trong xử lý tình huống*, của GS.TS Lưu Văn Sung... Các công trình đã xây dựng khung lý thuyết về quản lý xung đột xã hội; phân tích, đánh giá, chỉ ra thực trạng quản lý xung đột xã hội và nguyên nhân hình thành, phát triển xung đột xã hội; đưa ra các giai đoạn phát triển của mâu thuẫn, xung đột xã hội, mà đỉnh điểm là gây ra các điểm nóng chính trị - xã hội; đề tài nêu lên các nguyên tắc, định hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý xung đột xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

### **1.3. GIÁ TRỊ CỦA CÁC NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

#### **1.3.1. Giá trị của các nghiên cứu liên quan đến luận án**

Kết quả các công trình nghiên cứu cũng đã chỉ ra những nhân tố cơ bản, là nguyên nhân dẫn đến xung đột xã hội; sự xung đột, điểm nóng chính trị - xã hội dễ lan truyền, lây lan, kích động gây mất ổn định. Vì thế, quản lý xung đột với giải tỏa, xử lý xung đột là công việc thống nhất không tách rời nhau. Trong tình hình mới, quản lý xung đột và giải quyết xung đột kết hợp một cách tổng thể, đồng bộ, toàn diện các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, đạo đức, pháp luật, tôn giáo, tâm lý tộc người, quốc phòng, an ninh, trật tự nhằm hướng tới xây dựng xã hội ổn định và phát triển bền vững.

#### **1.3.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu**

- Hệ thống các khung khổ phân tích lý thuyết, lý luận về xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên

- Đối với xung đột sắc tộc (tộc người), đến nay trên thế giới vẫn chưa có cách thức, phương pháp quản lý, giải tỏa một cách hữu hiệu, có giá trị mang tính phổ quát. Do vậy, công tác quản lý, giải tỏa xung đột sắc tộc là nhiệm vụ mang tính cấp thiết đối với các quốc gia, nhất là quốc gia đa tộc người như Việt Nam...

- Xác định rõ và cụ thể các khái niệm về xung đột, đặc biệt là quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên; làm rõ nội dung, yêu cầu, phạm vi, biện pháp quản lý xung đột xã hội, những nghiên cứu so sánh về quản lý xung đột xã hội. Dự báo tình hình và đề xuất giải pháp trong quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên trong thời gian tới.



## Chương 2

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ XUNG ĐỘT XÃ HỘI VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI

## 2.1. LÝ THUYẾT VỀ XUNG ĐỘT XÃ HỘI

### 2.1.1. Các trường phái, xu hướng nghiên cứu và quan điểm tiếp cận

*Trường phái mác xít*, khi nghiên cứu xung đột xã hội, các nhà khoa học thuộc trường phái mác xít trên cơ sở thế giới quan duy vật về lịch sử, khẳng định bản chất khách quan về kinh tế và giai cấp của xung đột. Nguồn gốc sâu xa, mang ý nghĩa quyết định của xung đột xã hội là lợi ích, vị trí của các tập đoàn người, các giai cấp trong xã hội, mà trung tâm là lợi ích kinh tế.

*Trường phái phi mác xít (cấu trúc - chức năng)*, về sau phủ nhận xung đột, coi xung đột là “sai lệch bệnh hoạn”, là “loạn chức năng”.

*Trường phái mô hình xung đột*, Max Weber (1864-1920) cho rằng, xung đột xã hội có rất nhiều trong hiện thực, đó là mâu thuẫn, xung đột giữa các tập đoàn người, nhóm xã hội, các tôn giáo, tộc người, quốc gia dân tộc... Trong xã hội không chỉ có các tranh chấp về nguồn lực kinh tế, mà còn có các tranh chấp về chính trị, tôn giáo, văn hóa, tâm lý, tộc người...

R. Dahrendorf (1929-2009) cho rằng, xã hội luôn vận động, biến đổi, phát triển không ngừng và trải qua các xung đột xã hội. Xung đột xã hội hiện hữu, diễn ra mọi lúc, mọi nơi, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Xuất phát từ bất bình đẳng, khác biệt về lợi ích, địa vị, quyền lực xã hội, dẫn đến những va chạm, mâu thuẫn, đối kháng... hệ quả mang lại là sự thay đổi cấu trúc xã hội. R. Dahrendorf cho rằng, xung đột bị nén lại không giải tỏa là khối u ác tính nguy hiểm trong cơ thể xã hội.

Lewis A. Coser (1913-2003) coi xung đột xã hội là bình thường, như một phần chức năng trong đời sống xã hội, từ đó ông có những đánh giá khác với những học giả khác, như: *Cách đạt mục đích thông qua xung đột xã hội chính là cơ sở quan trọng cho việc hình thành các phương thức quản lý xung đột xã hội.*

*C. Wright Mills (1916-1962)*, giống như quan niệm của Weber, cho rằng, con người hoạt động xoay quanh quyền lực, trong khi xã hội luôn tồn tại bất bình đẳng.

### **2.1.2. Quan niệm, bản chất, nguyên nhân của xung đột xã hội**

Từ phân tích quan điểm, xu hướng nghiên cứu của các trường phái ở trên, tác giả đưa ra định nghĩa: *Xung đột xã hội là những bất đồng, mâu thuẫn, đối lập giữa các chủ thể về nhận thức, quan điểm, lợi ích, từ đó dẫn đến những va chạm, đấu tranh với các hình thức, quy mô và mức độ khác nhau giữa các bên trong các quan hệ xã hội nào đó.*

Xét về bản chất, xung đột xã hội phản ánh các mâu thuẫn khách quan của đời sống xã hội. Mâu thuẫn xuất hiện, tồn tại trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, khi những mâu thuẫn được giải tỏa sẽ góp phần thúc đẩy, quyết định sự phát triển của xã hội. Mâu thuẫn chỉ có thể được giải quyết từ nhận thức và hành vi của con người trong xã hội và “đấu tranh” để giải quyết mâu thuẫn là hành vi cần có.

Nguyên nhân của xung đột xã hội là sự bất bình đẳng về địa vị mà con người chiếm giữ trong sinh hoạt kinh tế - xã hội. Xuất phát từ sự bất bình đẳng trong phân bổ các nguồn lực, địa vị, quyền lực xã hội; nguyên nhân cơ bản của xung đột xã hội là từ nhận thức của con người, do có nhận thức khác nhau về các giá trị giữa các nhóm người đối với những mong đợi, dự định, và hành vi thực tế của con người; Nguyên nhân trực tiếp là sự bất cập trong quản lý xã hội của của nhà nước, trong khi những người cầm quyền không tạo ra được môi trường, điều kiện để đảm bảo thực hiện công bằng giữa các nhóm xã hội.

### **2.1.3. Tác động của xung đột xã hội**

#### **2.1.3.1. Tác động tích cực**

Xung đột xã hội là một tất yếu khách quan trong quá trình vận động và phát triển xã hội. Mâu thuẫn, xung đột tồn tại trong mọi hình thái xã hội, như là động lực của sự phát triển xã hội.

#### **2.1.3.2. Tác động tiêu cực**

Khi xung đột xã hội diễn ra, các bên đều tập trung nguồn lực để giải quyết nhằm mang lại kết quả tốt nhất cho mình, ít quan tâm đến việc sản xuất ra các nguồn lực mới cho xã hội. Quá trình giải tỏa xung đột làm cho các bên phải

chịu gánh nặng và chi phí tiêu hao nguồn lực, thậm chí mất rất nhiều năm sau mới khắc phục được. Do vậy có thể nói xung đột xã hội là quá trình tiêu hủy nguồn lực, điều đó đặc biệt đúng trong thực tiễn, với các cuộc xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, điểm nóng chính trị...

#### **2.1.4. Các giai đoạn phát triển của xung đột xã hội**

Giai đoạn ngầm; giai đoạn công khai; giai đoạn căng thẳng, đối đầu; giai đoạn đấu tranh quyết liệt; giai đoạn xung đột xã hội trở thành điểm nóng chính trị xã hội.

## **2.2. LÝ THUYẾT VỀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI**

### **2.2.1. Quan niệm, định nghĩa về xung đột xã hội**

Từ phân tích các định nghĩa của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội (2001); Giáo trình Khoa học quản lý, Chương trình cao cấp lý luận chính trị của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tác giả đưa ra định nghĩa: *Quản lý là việc chủ thể quản lý sử dụng công cụ, nguồn lực tác động đến các đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra.*

Quản lý xung đột xã hội là một chức năng của nhà nước, hoạt động chính là quản lý của bộ máy nhà nước, do đó chủ thể quản lý xung đột xã hội là nhà nước. Ngoài chủ thể quản lý xung đột xã hội là nhà nước còn có các chủ thể tham gia quản lý xung đột xã hội. Chủ thể quản lý xung đột xã hội rất đa dạng, phong phú, có thể là cá nhân, nhóm, cộng đồng, tổ chức, chính quyền nhà nước, tổ chức quốc tế...

Từ định nghĩa quản lý và chủ thể quản lý xung đột xã hội, tác giả rút ra định nghĩa: *Quản lý xung đột xã hội là tổng thể hoạt động mà chính quyền nhà nước các cấp sử dụng để phòng ngừa, ngăn chặn, giải tỏa, xử lý các mâu thuẫn trong xã hội không để xảy ra thành các điểm nóng, hoặc sử dụng bạo lực giữa các nhóm, cộng đồng dân cư tham gia xung đột, nhằm giải tỏa các điểm nóng, hướng đến mục tiêu ổn định và phát triển xã hội.*

Mục đích quản lý xung đột xã hội là phát huy những mặt, yếu tố tích cực, hạn chế, loại trừ tiêu cực; Đối tượng quản lý xung đột xã hội là con người thuộc các bên tham gia xung đột; Tính chất của xung đột xã hội ở Việt Nam có chiều hướng gia tăng, trong đó có những xung đột có tính chất nghiêm trọng ảnh hưởng

đến an ninh quốc phòng; Phương pháp quản lý, giải toả xung đột xã hội gồm: trấn áp; điều hoà, điều chỉnh xã hội; truyền thông làm dịu xung đột; trung gian hoà giải; cách ly; đàm phán.

### **2.2.2. Nội dung quản lý xung đột xã hội**

Quản lý nguy cơ xảy ra xung đột xã hội; Quản lý diễn biến của xung đột xã hội; Quản lý giải pháp xử lý xung đột xã hội; Quản lý điểm nóng chính trị - xã hội.

### **2.2.3. Nguyên tắc trong quản lý xung đột xã hội**

Phân tích toàn diện; Có thái độ khách quan, bình đẳng; Lựa chọn phương án tốt nhất; Tôn trọng, đề cao pháp luật; Tăng cường đối thoại.

## **2.3. QUAN ĐIỂM VỀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN**

### **2.3.1. Một số đặc điểm liên quan đến xung đột xã hội ở Tây Nguyên**

#### **2.3.1.1. Về lịch sử**

Tây Nguyên có nguồn gốc lịch sử phức tạp, từ năm 1470 sau khi vua Lê Thánh Tông lãnh đạo quân dân Đại Việt làm nên chiến thắng trước Chiêm Thành, Tây Nguyên có nhiều biến đổi qua các thời kỳ khác nhau. Đến năm 1802, vua Gia Long đổi tên vùng Thượng Nam Ngãi thành Trấn Man, chia thành 4 nguyên và 5 đạo, lúc này, Nhà Nguyễn đã quản lý hoàn toàn, đầy đủ vùng đất Tây Nguyên.

Thực dân Pháp sau khi xâm lược Việt Nam, đến tháng 10/1893 đã thay thế Triều Nguyễn làm chủ, nắm toàn bộ kinh tế - xã hội, thực hiện quyền “bảo hộ” đối với vùng Tây Nguyên.

Ngày 11/3/1955, Ngô Đình Diệm, Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, sáp nhập Hoàng triều Cương thổ vào Trung phần, chấm dứt đặc quyền của người Pháp và Quốc trưởng trên vùng Thượng và tên gọi Cao nguyên Trung phần được sử dụng lại từ đó. Chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách đưa người Kinh lên Tây Nguyên, trong đó có người miền Bắc di cư năm 1954, phần lớn trong số này theo Thiên chúa giáo để xây dựng ấp chiến lược, làm cho đất đai của các tộc người thiểu số theo “kinh tế rừng” bị thu hẹp, “Chính sách đất đai bất lợi, cùng với các chính sách văn hóa, xã hội mất lòng dân khác đã kích động tâm lý bài Kinh, xuất hiện nhiều phong trào đấu tranh của các tộc người

Tây Nguyên chống chế độ Sài Gòn, giành quyền tự trị đã nổ ra như phong trào BAJARAKA, Mặt trận giải phóng cao nguyên FLHF, Mặt trận thống nhất giải phóng các sắc tộc bị áp bức FULRO, các phong trào này kéo dài mãi đến sau 1975”. Sau hơn 15 năm đấu tranh, đến năm 1991 chúng ta đã phá tan tổ chức FULRO ở Tây Nguyên, nhưng một số phần tử FULRO được các tổ chức nước ngoài bảo trợ đưa đi các nước, chủ yếu là Mỹ định cư, các phần tử này vẫn tiếp tục mưu đồ phục hồi tổ chức và hoạt động, gây ra nhiều hệ lụy trong quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên.

### **2.3.1.2. Đặc điểm tộc người**

Tây Nguyên là địa bàn cư trú lâu đời của 12 tộc người: Giê Triêng, Gia Rai, Ê Đê, Ba Na, M’ông, Cơ Ho, Mạ, Xơ Đăng, Chu Ru, Raglay, Rơ Măm, Brâu (tác giả gọi đây là các tộc người thiểu số tại chỗ gốc Tây Nguyên), thuộc ngữ hệ Nam Á (nhóm Môn - Khmer) và Nam Đảo. Tây Nguyên có sự biến động về dân cư nhanh và mạnh mẽ. Năm 1976, dân số Tây Nguyên là 1.225.000 người, gồm 18 tộc người, trong đó tộc người thiểu số là 853.820 người (chiếm 69,7% dân số); thì đến năm 2020, Tây Nguyên có 5.842.681 người, với 52 thành phần tộc người. Đồng bào các tộc người thiểu số có 2.199.784 người, chiếm 37,65% dân số toàn vùng, trong đó 12 tộc người thiểu số tại chỗ có 1.546.950 người, chiếm 26,47%. Tây Nguyên là vùng có dân số tăng cơ học nhanh nhất cả nước, tình trạng xen canh, xen cư, đa tộc người đã tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến đời sống kinh tế - xã hội, chi phối các quan hệ và quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên.

### **2.3.1.3. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội**

Tây Nguyên là vùng có diện tích tự nhiên 54.474 km<sup>2</sup> (chiếm 16,5% cả nước). Nằm trên cao nguyên, phần lớn ở phía tây dãy Trường Sơn, có 12 huyện, 27 xã biên giới. Có 2 cửa khẩu quốc tế và 3 cửa khẩu quốc gia. Tây Nguyên có diện tích đất đỏ bazan (*khoảng 1 triệu ha*) và đất đỏ vàng (*khoảng 1,8 triệu ha*),... thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế như sản xuất cây công nghiệp, du lịch sinh thái, công nghiệp, năng lượng, khoáng sản... Rừng Tây Nguyên giàu về trữ lượng, đa dạng về chủng loại, hệ động vật hoang dã cũng rất phong phú có ý nghĩa, giá trị rất cao về kinh tế và khoa học. Tài

nguyên khoáng sản phong phú, đặc biệt là quặng bôxít với trữ lượng dự báo khoảng 10 tỷ tấn, chiếm 90% trữ lượng bôxít của cả nước, có 21 điểm có vàng, ngoài ra còn các loại đá quý, các mỏ sét gạch ngói...

Nhìn chung, kinh tế - xã hội Tây Nguyên đã có bước phát triển mạnh mẽ, nhất là từ năm 2010 đến nay. Tuy nhiên, so với cả nước Tây Nguyên vẫn là khu vực kém phát triển, đặc biệt là những nơi tập trung đông người thiểu số tại chỗ.

#### **2.3.1.4. Đặc điểm văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng**

- *Đặc điểm văn hóa*: Tây Nguyên là vùng đất đa tộc người, đa văn hóa, nơi hội tụ, cư trú của 52 tộc người. Văn hóa Tây Nguyên được kết tinh từ truyền thống lâu đời trong lao động sản xuất, chinh phục thiên nhiên, tính cố kết cộng đồng, tinh thần dũng cảm, sáng tạo.

- *Đặc điểm tôn giáo - tín ngưỡng*: Tây Nguyên có 4 tôn giáo chính được Nhà nước công nhận, đang hoạt động là: Công giáo, Tin lành, Phật giáo và Cao đài. Ngoài ra, trên địa bàn còn có một số tôn giáo khác đang hoạt động. Những năm gần đây, hoạt động tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên khá phức tạp.

#### **2.3.2. Quan niệm quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên**

Từ những nét đặc trưng của Tây Nguyên, cùng với việc tiếp cận, xem xét, phân tích, kế thừa các quan niệm về xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội, luận án đưa ra định nghĩa: *Quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên là quá trình hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực để phòng ngừa, ngăn chặn, giải quyết các xung đột xã hội, sử dụng bạo lực xử lý điểm nóng chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững Tây Nguyên.*

Điều đặc biệt quan tâm của hệ thống chính trị trong quá trình quản lý nhà nước của mình, cần nghiên cứu, phân tích, đánh giá toàn diện các yếu tố về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, KT-XH, lịch sử, tôn giáo, tâm lý tộc người,... để chỉ đạo, xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật nói chung và chính sách riêng đối với từng lĩnh vực, từng địa bàn cụ thể phù hợp với điều kiện, đặc điểm riêng có của khu vực Tây Nguyên.

### Chương 3

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN

### 3.1. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CHỦ THỂ TRONG QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN

#### 3.1.1. Cấp ủy đảng các cấp

Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng đề ra Cương lĩnh, đường lối, chiến lược, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện. Trong các Văn kiện Đại hội Đảng (từ khóa IX đến khóa XIII) và các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có rất nhiều nội dung liên quan đến vùng DTTS&MN, trong đó có Tây Nguyên.

#### 3.1.2. Chính quyền Nhà nước các cấp

Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, với tư cách là chủ thể trực tiếp quản lý xung đột xã hội, theo thẩm quyền các cơ quan đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách để quản lý xã hội nói chung, quản lý xung đột xã hội khu vực Tây Nguyên nói riêng.

##### 3.1.2.1. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đến năm 2021, Quốc hội đã ban hành 86 luật với 218 điều có các quy định về lĩnh vực dân tộc, chính sách dân tộc, đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có Tây Nguyên. Hệ thống pháp luật đã tạo khuôn khổ và hành lang pháp lý, điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên,

##### 3.1.2.2. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương

Giai đoạn 2011-2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 142 văn bản thuộc 12 nhóm chính sách: (1) Giảm nghèo; (2) Xây dựng nông thôn mới ở vùng DTTS&MN; (3) Công tác bảo vệ phát triển rừng; (4) Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho tộc người thiểu số; (5) Tín dụng chính sách; (6) Giáo dục, đào tạo; (7) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; (8) Văn hóa thể thao và du lịch vùng DTTS&MN; (9) Thông tin, truyền thông vùng DTTS&MN; (10) Về xây dựng cán bộ, công chức, viên chức tộc người thiểu số; (11) Về chính sách

đôi với người có uy tín ở vùng tộc người thiểu số; (12) Nhóm chính sách khác. Các chính sách đã tạo cơ chế đặc thù cho phát triển vùng Tây Nguyên.

### **3.1.2.3. Chính quyền các địa phương vùng Tây Nguyên**

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các địa phương đã ban hành các cơ chế, chính sách để cụ thể hóa các quy định của Trung ương và lồng ghép trong các nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch hằng năm, 5 năm, phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương,...; triển khai các nhiệm vụ Nghị quyết của Bộ Chính trị thành các đề án, dự án cụ thể về các lĩnh vực. Chính quyền các cấp ở Tây Nguyên đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không nghe theo sự xúi giục, kích động của các phần tử phản động, FULRO lưu vong, tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, góp phần ổn định trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

### **3.1.3. Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị xã hội và cộng đồng dân cư**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội vùng Tây Nguyên tích cực tuyên truyền, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến đồng bào nhân dân, tham gia góp ý kiến công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tây Nguyên có gần 7.800 buôn, làng, tổ dân phố, trong đó hơn 2.800 buôn, làng có tộc người thiểu số sinh sống. Từ xa xưa, buôn, làng là nơi rất quan trọng, mọi hoạt động lao động sản xuất, sinh hoạt tín ngưỡng đều diễn ra ở buôn làng nên cộng đồng dân cư có vai trò rất quan trọng trong đời sống, sinh hoạt của người dân Tây Nguyên.

## **3.2. QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN TRÊN MỘT SỐ LĨNH VỰC**

### **3.2.1. Quản lý nhà nước về dân tộc (tộc người)**

Công tác dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Số hộ nghèo tộc người thiểu số so với số hộ nghèo toàn vùng giảm từ 52,36% năm 2003 xuống còn 19,9% năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ



18,5% năm 2016 xuống còn 11% năm 2020. Tỷ lệ buôn làng thuộc vùng DTTS&MN có nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng đạt 82,74% (6.054 buôn, làng), cao hơn 6% so với bình quân cả nước. Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia 87,2%, cao hơn 3,7% so với bình quân cả nước; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ đạt 86,1% cao nhất trong 6 vùng kinh tế; tỷ lệ người tộc người thiểu số có bảo hiểm y tế đạt 87,53%. Công tác giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào tộc người thiểu số có nhiều cải thiện, toàn vùng có 59 trường phổ thông dân tộc nội trú (tăng 15 trường so với năm học 2011-2012); tỷ lệ người đọc thông viết thạo là 74,79%, tỷ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của người tộc người thiểu số từ 15 tuổi trở lên là 80,9% (tăng 1,7% so với năm 2015); tỷ lệ người tộc người thiểu số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết chữ dân tộc mình là 25,16%, cao nhất cả nước và cao hơn mặt bằng chung cả nước (14,36%).

Đời sống văn hóa của đồng bào tộc người thiểu số vùng Tây Nguyên được nâng lên, tinh hoa văn hóa và bản sắc tộc người được tôn trọng, bảo tồn và phát huy, các tập tục lạc hậu bị xóa bỏ. Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại; biểu tượng văn hóa cộng đồng các tộc người Tây Nguyên (733 nhà Rông, nhà Dài) được tôn tạo, gìn giữ.

Công tác xây dựng kết cấu hạ tầng cho phát triển kinh tế - xã hội vùng tộc người thiểu số ở Tây Nguyên được tập trung triển khai thông qua các chương trình, chính sách, góp phần giảm nghèo, tạo điều kiện để các địa phương phát triển kinh tế - xã hội, phát huy được ý chí sáng tạo, nguồn lực của đồng bào, làm thay đổi diện mạo nông thôn vùng đồng bào các tộc người thiểu số.

### **3.2.2. Quản lý xung đột về đất đai**

Khiếu nại, tranh chấp về đất đai chiếm đến 95% số đơn khiếu nại, tố cáo hiện nay. Tình hình tranh chấp, khiếu kiện trên địa bàn Tây Nguyên diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Giai đoạn 2001 - 2018 toàn vùng xảy ra 396 vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp về đất đai (Kon Tum 28 vụ, Gia Lai 184 vụ, Đắk Lắk 58 vụ, Lâm Đồng 68 vụ, Đắk Nông 58 vụ).

Tây Nguyên còn khoảng 52.940 hộ thiếu đất sản xuất, trong đó có 32.006 hộ đồng bào các tộc người thiểu số. Do thiếu đất sản xuất, không có việc làm ổn

định, đời sống gặp nhiều khó khăn, một số nơi, người dân tự ý chặt phá rừng lấy đất, dẫn đến tình trạng xâm canh, lấn chiếm đất.

### **3.2.3. Quản lý xung đột từ dân di cư đến Tây Nguyên**

Từ sau năm 1975 đến nay, khu vực Tây Nguyên biến động dân cư với quy mô lớn, số lượng tăng nhanh nhất cả nước. Mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp để ổn định tình hình, nhưng do diễn biến của di cư tự phát vẫn phức tạp và khó kiểm soát, nhất là dòng bào đến từ vùng miền núi phía Bắc di cư vào Tây Nguyên, trong khi dân một số tỉnh khác lại di cư đến Tây Bắc, rồi di cư từ huyện này sang huyện khác trong cùng một tỉnh, hoặc tỉnh này sang tỉnh khác... Đến cuối 2018 vẫn còn hơn 22.000 hộ dân di cư tự phát đến Tây Nguyên chưa được bố trí, sắp xếp ổn định.

### **3.2.4. Quản lý xung đột về môi trường**

Tình trạng gia tăng nhanh chóng nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên, đã làm gia tăng các xung đột môi trường, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, dẫn đến hậu quả là tình trạng khô hạn, lũ lụt, sạt lở đất, chấn động địa chất, suy thoái, ô nhiễm tài nguyên nước, đất, rừng... cháy rừng xảy ra ngày càng nhiều, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của các cộng đồng dân cư. Ở Tây Nguyên, các khu công nghiệp ô nhiễm môi trường tiềm ẩn nhiều hệ lụy, đặc biệt là khu vực khai thác Bôxít ở Đắk Nông, Lâm Đồng có thể dẫn đến xung đột xã hội.

### **3.2.5. Quản lý xung đột về tôn giáo, tín ngưỡng**

Tây Nguyên là khu vực có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam. Một số tôn giáo mang tính thế giới, đời sống vật chất, tinh thần của tín đồ các tôn giáo đã được quan tâm chăm lo. Cơ bản các tín đồ người tộc người thiểu số đã chấp hành chính sách, pháp luật, không tin, không nghe theo sự xuyên tạc, lừa mị của bọn phản động FULRO. Công tác đấu tranh với các hoạt động nhen nhóm phát triển lực lượng, phát triển “Tin lành Dega” và tà đạo “Hà Mòn” được triển khai quyết liệt, đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, hiện nay tình hình tôn giáo vẫn còn nhiều vấn đề đáng lưu ý, nổi lên là việc truyền đạo, chuyển nhượng đất đai, xây dựng cơ sở tôn giáo trái pháp luật vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi gây phức tạp về trật tự xã hội.

### **3.2.6. Quản lý xung đột về văn hóa, tâm lý tộc người**

Các lĩnh vực, loại hình sản phẩm văn hóa, nhất là văn hóa của người tại chỗ gốc Tây Nguyên ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhiều mặt theo nhu cầu mới của đời sống xã hội. Nhiều giá trị văn hóa các tộc người và di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được kế thừa, phục dựng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy. Các giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống trong các gia đình, cộng đồng được quan tâm thực hiện, nhất là văn hóa lễ hội của đồng bào Tây Nguyên.

Tuy nhiên, từ sau giải phóng miền Nam năm 1975 đến nay, đã có những biến đổi sâu sắc trong đời sống văn hóa của cộng đồng tộc người ở Tây Nguyên. Đời sống xã hội ở Tây Nguyên những năm qua bị xáo trộn, tình trạng xen kẽ các tộc người, đan xen các nền văn hoá diễn ra phổ biến, những nhân tố trên đã làm biến dạng phức tạp, làm phai nhạt, mất đi văn hóa truyền thống lâu đời của các tộc người thiểu số tại chỗ gốc Tây Nguyên, cùng với đó là sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai, xa lạ với đồng bào.

### **3.2.7. Hoạt động đấu tranh chống FULRO và Dega**

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975, lực lượng FULRO được tiếp sức của các thế lực thù địch bên ngoài, đã trở thành một tổ chức chính trị vũ trang, phản động, nổi lên hoạt động ở nhiều nơi, công khai chống lại chính quyền cách mạng, gây ra hàng loạt các cuộc khủng bố đẫm máu ở Tây Nguyên. Đến năm 1991, sau thời gian dài bền bỉ đấu tranh, với nhiều biện pháp, chúng ta đã cơ bản phá tan tổ chức FULRO ở Tây Nguyên. Tuy nhiên, một số phần tử tàn quân FULRO tiếp tục được một số tổ chức nước ngoài bảo trợ đưa sang Mỹ định cư.

Những năm gần đây, lực lượng FULRO móc nối với các thế lực phản động ở nước ngoài và lực lượng bất mãn ở bên trong thành lập “Nhà nước Dega” ở Tây Nguyên. Các sự kiện diễn ra năm 2001, năm 2004 và tiếp sau này cho thấy, Tây Nguyên vẫn là một khu vực luôn tiềm ẩn xảy ra các điểm nóng.

Trong năm 2016, lực lượng chức năng đã phát hiện, đấu tranh xóa 28 khung FULRO, “Tin lành Dega” các cấp, bóc gỡ 576 lượt đối tượng (Gia Lai 501, Đắk Lắk 40, Phú Yên 35); giải tán 30 điểm sinh hoạt, đồng thời vận động

572 người từ bỏ “Tin lành Dega”; khởi tố 03 vụ, bắt 09 bị can (ở Gia Lai) về tội “Phá hoại chính sách đoàn kết” để phục vụ công tác điều tra và xử lý.

Mới đây nhất là sự kiện ngày 11/6/2023, các đối tượng hoạt động có tổ chức, gây mất trật tự, an ninh nghiêm trọng. Chúng rất manh động, liều lĩnh, mất nhân tính, cùng lúc tấn công trụ sở hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Vấn đề đặt ra là trong khi chúng ta có hệ thống chính trị các cấp, nhưng chủ quan, mất cảnh giác; cán bộ không hiểu dân, không gần gũi, gần bó, nắm bắt được tư tưởng, tình cảm người dân... Đây là vấn đề cần hết sức chú ý trong quá trình quản lý Nhà nước, quản lý xã hội ở Tây Nguyên trong thời gian tới.

### **3.3. NHẬN XÉT VỀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN**

#### **3.3.1. Kết quả đạt được**

Các địa phương ở Tây Nguyên đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng; phát huy những tiềm năng, lợi thế để phát triển nhanh và bền vững, đạt được nhiều kết quả to lớn. Quy mô kinh tế của vùng tăng nhanh, năm 2020 gấp hơn 14 lần năm 2002 và 3,1 lần năm 2020. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2002-2020 đạt gần 8%/năm, tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế đều cao nhất so với các vùng. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 48 triệu đồng, gấp 10,6 lần năm 2002.

Kinh tế vùng Tây Nguyên chuyển dịch cơ cấu đúng định hướng, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ; chuyển đổi thành cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn đối với một số loại cây công nghiệp có thể mạnh và dần hình thành các trung tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao của vùng. Đời sống văn hóa của nhân dân Tây Nguyên ngày càng phong phú, giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của các tộc người được nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn và phát huy, một số di tích lịch sử văn hóa được tu bổ, tôn tạo. Không gian văn hóa của Công chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế

được tăng cường, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong vùng. chất lượng giáo dục và đào tạo ngày càng được nâng lên. Các Chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là đồng bào các tộc người thiểu số. Chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo được triển khai thực hiện đồng bộ, góp phần khơi dậy và nâng cao ý thức đoàn kết, tinh thần tự lực phấn đấu vươn lên trong việc phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo...

Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận lòng dân và an ninh nhân dân được củng cố và tăng cường, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn xung yếu; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy đảng và đảng viên được nâng lên; cơ bản xóa tình trạng các buôn làng không có tổ chức cơ sở đảng. Việc xây dựng chính quyền các cấp được chú trọng, năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu trong tình hình mới. Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội được nâng cao; phát huy tốt vai trò hạt nhân của già làng, người có uy tín trong cộng đồng tộc người thiểu số; khối đại đoàn kết toàn dân, niềm tin của đồng bào các tộc người Tây Nguyên đối với Đảng, Nhà nước được tăng cường, củng cố.

### **3.3.2. Những hạn chế, yếu kém**

#### ***3.3.2.1. Nhận thức về xung đột xã hội chưa đầy đủ***

#### ***3.3.2.2. Kỹ năng quản lý xung đột xã hội hạn chế***

#### ***3.3.2.3. Chậm giải quyết các vấn đề đặt ra từ lâu***

#### ***3.3.2.4. Nền tảng quản lý xung đột xã hội chưa bền vững***

### **3.3.3. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém**

#### ***3.3.3.1. Nguyên nhân khách quan***

Do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, địa hình đồi núi, chia cắt phức tạp; dân cư phân tán, nhỏ lẻ; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu..

Quy mô nền kinh tế nhỏ, xuất phát điểm thấp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông thiếu, yếu, chưa đồng bộ và đáp ứng được yêu cầu giao lưu kinh tế, thương mại nội vùng và liên vùng.

Các thế lực thù địch bên ngoài lợi dụng vấn đề tộc người, tôn giáo, đất đai... thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, gia tăng kích động tư tưởng ly khai, chống phá, lôi kéo người dân theo tà đạo, gây mất trật tự an toàn xã hội.

Một bộ phận đồng bào tộc người thiểu số hạn chế về nhận thức, còn tư tưởng trông chờ, chưa có ý thức tự vươn lên...

### **3.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan**

Nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng đối với công tác quản lý xung đột ở Tây Nguyên trong đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, đảng viên còn hạn chế.

Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, còn chồng chéo, mâu thuẫn.

Quy hoạch phát triển vùng, các địa phương trong vùng chưa đồng bộ,

Nguồn lực ngân sách khá lớn đầu tư, hỗ trợ cho Tây Nguyên còn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của vùng, chưa tạo ra được sự “đột phá”.

Phân cấp, phân quyền cho các địa phương chưa thật sự triệt để, chưa tạo được điều kiện, môi trường để phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành và giữa các bộ, ngành với các tỉnh trong vùng nhiều lúc còn chưa được thường xuyên và chặt chẽ...

### **3.3.3.3. Nguyên nhân xung đột xã hội trở thành điểm nóng ở Tây nguyên**

*Thứ nhất*, do chính sách hai mặt, âm mưu nuôi dưỡng, phục hồi FULRO của các thế lực thù địch phản động ở Mỹ và một số nước phương Tây.

*Thứ hai*, đời sống đồng bào các tộc người thiểu số còn nhiều khó khăn, những mâu thuẫn, xung đột phát sinh chưa được xử lý, khắc phục kịp thời

*Thứ ba*, việc phối hợp ngăn chặn mâu thuẫn, xung đột xã hội giữa các ngành chưa tốt..

*Thứ tư*, quyền bình đẳng, công bằng về chính trị, kinh tế của đồng bào không được thực hiện đầy đủ.

*Thứ năm*, mặc dù có hệ thống chính trị đồ sộ nhưng xa dân, quan liêu, chủ quan, mất cảnh giác, bỏ trống địa bàn.

*Thứ sáu*, năm 1992 sau khi trấn áp được FULRO, nảy sinh tâm lý chủ quan cho rằng tầm ảnh hưởng, vai trò của FULRO đã kết thúc.

*Thứ bảy*, thời gian qua chúng ta đã sử dụng các biện pháp hành chính mệnh lệnh, cứng nhắc để giải quyết vấn đề tôn giáo.

## **Chương 4**

### **BỐI CẢNH, QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN**

#### **4.1. BỐI CẢNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN**

##### **4.1.1. Bối cảnh**

###### **4.1.1.1. Thuận lợi**

Kinh tế thế giới đang phát triển theo hướng xanh, tuần hoàn, sáng tạo, bền vững và dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; sự kết nối phát triển giữa các quốc gia, các vùng miền trong từng quốc gia và giữa các ngành, lĩnh vực đang ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn.

Việt Nam có nhiều thuận lợi trong cạnh tranh quốc tế, uy tín và vị thế đất nước ngày càng được củng cố do có nền tảng chính trị, kinh tế - xã hội ổn định.

Vùng Tây Nguyên luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, ưu tiên trong chính sách đầu tư và phát triển. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII thông qua và Nghị quyết số 23 của Bộ Chính trị sẽ là định hướng quan trọng để các bộ, ngành, địa phương hoạch định chiến lược phát triển ngành và các vùng trong thời gian tới, nhằm tổ chức không gian lãnh thổ hợp lý và phát huy tốt các lợi thế đặc thù của vùng.

###### **4.1.1.2. Khó khăn, thách thức**

Tình hình chính trị thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là vấn đề chủ quyền lãnh thổ, tranh chấp biển đảo, đặc biệt là ở biển Đông; vấn đề an ninh phi truyền thống trở nên gay gắt hơn, nhất là ở khu vực biên giới; các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân

tộc, “diễn biến hòa bình” để chống phá cách mạng nước ta. Tăng trưởng kinh tế thế giới, thương mại và đầu tư toàn cầu đang chịu tác động mạnh của đại dịch Covid-19.

Vị trí địa lý của Tây Nguyên không thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, do nằm xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, xa các cảng biển, các đầu mối giao thông lớn. Quy mô nền kinh tế và thị trường của vùng còn nhỏ, quy hoạch chưa đồng bộ, năng lực cạnh tranh thấp; cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện; nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế... Các thế lực thù địch, phản động tăng cường thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”.

#### **4.1.2. Những vấn đề đặt ra trong quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên**

##### ***4.1.2.1. Kinh tế - xã hội phát triển chưa bền vững***

##### ***4.1.2.2. Hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ quản lý còn hạn chế***

##### ***4.1.2.3. Xung đột văn hóa tộc người ngày càng phức tạp***

##### ***4.1.2.4. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn nhiều thách thức***

#### **4.2. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN**

##### **4.2.1. Quan điểm**

Tây Nguyên có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh và đối ngoại của cả nước. Phát triển vùng Tây Nguyên nhanh, bền vững là quan điểm nhất quán, trọng tâm, xuyên suốt, có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Phát triển Tây Nguyên phải kết hợp hài hòa, hợp lý dựa trên 4 trụ cột: Kinh tế - xã hội - môi trường - quốc phòng - an ninh.

##### **4.2.2. Giải pháp quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên**

###### ***4.2.2.1. Nhóm giải pháp 1: Nâng cao năng lực quản lý xung đột xã hội***

Nâng cao nhận thức của chủ thể quản lý về xung đột xã hội và quản lý xung đột xã hội; Nâng cao năng lực quản lý, giải tỏa xung đột xã hội; Cần có thái độ khách quan, khoa học đối với quản lý xung đột xã hội; Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, quản lý.



**4.2.2.2. Nhóm giải pháp 2: Phát triển kinh tế - xã hội bền vững tạo nền tảng cho quản lý xung đột xã hội**

Tập trung phát triển kinh tế; Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; Trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường; Phát triển kết cấu hạ tầng.

**4.2.2.3. Nhóm giải pháp 3: Tập trung giải quyết những vấn đề tồn đọng**

Cần tập trung xử lý, giải quyết những vấn đề xung đột về đất đai, môi trường, di cư, khắc phục những bất cập từ xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi và thực hiện chính sách dân tộc (tộc người).

**4.2.2.4. Nhóm giải pháp 4: Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh trong tình hình mới**

Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh trong mọi tình huống.

## KẾT LUẬN

Tây Nguyên, địa bàn địa chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước. Tây Nguyên là vùng đất huyền thoại, nơi cùng sinh sống của gần 6 triệu người thuộc 52/54 tộc người cả nước, trong đó có 12 tộc người thiểu số tại chỗ. Đồng bào các tộc người Tây Nguyên có truyền thống đoàn kết, đấu tranh cách mạng rất kiên cường; có nền văn hóa tộc người vừa đa dạng, phong phú, vừa có nhiều nét đặc sắc riêng.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên, những chủ trương, chính sách được thực thi đã mang đến thành quả to lớn cho khu vực. Tuy nhiên, Tây Nguyên hiện vẫn còn không ít những khó khăn, thách thức lớn; phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của khu vực, đây vẫn là một trong những khu vực kém phát triển nhất của cả nước; nn

ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, vấn đề tôn giáo, dân tộc vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, đặc biệt các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề nhân quyền, tôn giáo, dân tộc để kích động chống phá, gây mất ổn định chính trị ở Tây Nguyên.

Trong quá trình nghiên cứu, luận án đã đi từ tổng quan kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài. Trên cơ sở các khái niệm liên quan, nghiên cứu sinh đã rút ra khái niệm quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên và làm rõ nội hàm của khái niệm; đồng thời chỉ ra những chủ thể quản lý và tham gia quản lý xung đột xã hội, đối tượng, nội dung của xung đột xã hội ở Tây Nguyên. Một phần quan trọng, luận án đã nêu những đặc điểm đặc trưng có tính chất chi phối đến xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên; phân tích thực trạng quản lý xã hội ở Tây Nguyên, tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng chủ yếu; đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế yếu kém, từ đó đưa ra những thuận lợi, khó khăn, thách thức, đồng thời thể hiện quan điểm và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên trong thời gian tới. Trong các nhóm giải pháp, luận án tập trung vào các nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hoàn thiện thể chế; chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng; phát triển nhanh và bền vững về kinh tế; phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; về xây dựng hệ thống chính trị phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển Tây Nguyên trong thời kỳ mới./.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Triệu Văn Bình (2016), “Vấn đề di cư, di cư tự do - Một số kinh nghiệm cần rút ra”, *Tạp chí Mặt trận*, (4).
2. Triệu Văn Bình (2016), “Vấn đề di cư tự do của đồng bào dân tộc thiểu số phía Bắc vào Tây Nguyên”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (5).
3. Triệu Văn Bình (viết chung) (2019), “Tăng cường công tác vận động quần chúng nhằm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn*, (4).
4. Triệu Văn Bình (2019), “Nhận diện những nguyên nhân cơ bản của xung đột xã hội ở Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc và Thời đại*, (7+8).
5. Triệu Văn Bình (2019), “Nhận diện hoạt động lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc của các thế lực thù địch gây bất ổn về an ninh chính trị ở Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và Chiến lược - Bộ Công an*, (11).
6. Triệu Văn Bình (2020), “Tác động của dân di cư tự do đến kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Nguyên”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (9).
7. Triệu Văn Bình (2020), “Thực trạng, nguyên nhân và những giải pháp giải quyết tranh chấp đất đai ở Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 7 (172).
8. Triệu Văn Bình (Sách viết chung) (2020), *Chính sách dân tộc ở Việt Nam - Thực trạng và định hướng, giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.